

Số: 37 /QĐ-TTĐLCL

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tạm thời Danh mục công việc
và định mức thời gian thực hiện công việc**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/05/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị công lập;

Căn cứ Quyết định số 2246/QĐ-BKHCN ngày 18/08/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông trực thuộc Cục Viễn thông;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tạm thời **Danh mục công việc và định mức thời gian thực hiện công việc** của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký, áp dụng kể từ chu kỳ đánh giá hoàn thành nhiệm vụ tháng 3/2026 và thay thế cho Quyết định số 176/QĐ-TTĐLCL ngày 20/10/2025.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Kế toán trưởng, các đơn vị, viên chức và người lao động toàn Trung tâm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- PCT Nguyễn Anh Cường (đề b/c);
- Lưu: VT, HCTH.

GIÁM ĐỐC



Hồ Đức Lượng

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÔNG VIỆC VÀ ĐỊNH MỨC THỜI GIAN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- TTĐLCL ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông)

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			DỄ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
I	HÀNH CHÍNH - TỔNG HỢP					
1	Đôn đốc nhiệm vụ	Đôn đốc nhiệm vụ - đôn đốc, thu hồi công nợ, đôn đốc thực hiện tiến độ đề tài...		0,08		- Khối lượng là số nhiệm vụ thực hiện đôn đốc, ví dụ: đôn đốc thực hiện 5 đề tài nghiên cứu khoa học.... - Tính 0.08 giờ/ 1 ngày thực hiện
2	Trả lời điện thoại/kiểm tra email hàng ngày	Nhận điện thoại cấp trên và kiểm tra mail nội bộ hàng ngày		0,3		- Tính theo số ngày thực tế làm việc trong tháng - Tính trung bình 20 phút/ 1 ngày làm việc/1 người
3	Tiếp nhận, đăng ký phòng họp, lên lịch và kết nối họp online	Tiếp nhận, đăng ký phòng họp		0,08		- Tính 0.08 giờ/1 lần đăng ký – - Tổng số lần tiếp nhận
		Tiếp nhận, lên lịch phòng họp		0,08		- Tính 0.08 giờ/ 1 lần lên lịch làm việc - Tổng số lần tiếp nhận lên lịch
		Kết nối phòng họp online		0,16		- Tính 0.16 giờ /1 lần kết nối họp
		Chuẩn bị phòng họp như chuẩn bị nước, hệ thống âm thanh....		0,16		- Tính 0.16 giờ /1lần chuẩn bị phòng họp online - Tổng số lần chuẩn bị
4	Tổng hợp đăng ký, cấp phát VPP	Tổng hợp đăng ký, cấp phát VPP		2		- Tính 1 đợt cấp phát - Tổng số lần tổng hợp trong tháng

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
5	Tổng hợp số liệu	Tổng hợp danh sách tham gia một hoạt động; tổng hợp nhiệm vụ; tổng hợp số liệu nói chung, tổng hợp văn bản; Tổng hợp GCN hợp quy, thông báo nộp tiền, File dữ liệu cập nhật (đã được phê duyệt) gửi Tô Một Cửa in và đóng dấu....		0,5		<ul style="list-style-type: none"> - Tính cho 1 lần thực hiện - minh chứng bằng văn bản số liệu đã tổng hợp - Tổng số lần tổng hợp trong tháng
6	Pho to hồ sơ, tài liệu	Pho to hồ sơ phục vụ công việc (Photo thông báo thu phí để kẹp cùng hóa đơn, photo chứng từ thanh toán.....	0,1	0,3	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Tính bình quân 0,1 - 0,3 - 0,5 giờ/ngày làm việc để hoàn thành công việc photo hồ sơ ở các mức Ít - Trung bình - Nhiều - Tính theo ngày thực tế làm việc
7	Điều động nhân sự lái xe và bố trí xe phục vụ đoàn công tác của TT, CVT - bổ sung	Tiếp nhận thông tin để thực hiện điều động, bố trí xe. Tiếp nhận và Liên hệ với VP CVT điều động, bố trí xe. Thực hiện theo sự vụ từng lần bố trí, điều động		0,5		<ul style="list-style-type: none"> - Tính bình quân 0.5 giờ/1 lần điều xe - Tổng số lần điều xe trong tháng
8	Lễ tân, khánh tiết	Lễ tân, khánh tiết	Theo thực tế			Minh chứng là các chương trình tổ chức lễ, hội với thời gian cụ thể
II	CÔNG VIỆC MỘT CỬA					
9	Tiếp nhận hồ sơ	Nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, trả hồ sơ cho khách hàng nếu không hợp lệ		0,3		<ul style="list-style-type: none"> - Tính 0.3 giờ/1 sản phẩm - Số sản phẩm tiếp nhận trong tháng
10	Chuyển hồ sơ cho các đơn vị giải quyết hồ sơ:	Tiếp nhận xong thì phân loại hồ sơ để gửi đơn vị chuyên môn		0,5		<ul style="list-style-type: none"> - Tính bình quân 1 giờ / 1 ngày; - Số ngày thực hiện trong tháng
11	Thu tiền giải quyết hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo cho tổ chức, cá nhân các khoản chi phí phải nộp. - Cung cấp 01 bản chính kết quả giải quyết hồ sơ cho KHTC. - Phối hợp cùng KHTC thực hiện việc thu tiền của tổ chức, cá nhân. 		0,2		<ul style="list-style-type: none"> - Tính bình quân 0.2 giờ /1 thông báo phí - Tổng số Thông báo phí trong tháng

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
12	Trả kết quả hồ sơ	Tổ một cửa căn cứ phiếu trả kết quả của các đơn vị để trả cho khách hàng		0,25		<ul style="list-style-type: none"> - Tính 0.25 giờ /1 kết quả - Tổng số kết quả trả trong tháng
13	Số hóa hồ sơ, photo hồ sơ	Scan hồ sơ, photo hồ sơ đóng dấu		1		<ul style="list-style-type: none"> - Tính bình quân 1.5 giờ / 1 ngày - Số ngày thực tế thực hiện số hóa hồ sơ
14	Tập hợp, sắp xếp hồ sơ gửi các Chi nhánh và Tập hợp, sắp xếp hồ sơ gửi các Chi nhánh và các Chi nhánh phân tách hồ sơ, lưu hồ sơ	Sắp xếp hồ sơ để gửi 2 Chi nhánh		0,5		<ul style="list-style-type: none"> - Tính bình quân 0.5 giờ / 1 ngày - Số ngày thực tế thực hiện trong tháng
		Gặp DN, trao đổi, tìm hiểu nhu cầu đo kiểm năm của các DN	8	16	24	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ: Hợp đồng dưới 2 tỷ - Trung Bình: Hợp đồng từ 2-5 tỷ - Khó: Hợp đồng trên 5 tỷ - Số Doanh nghiệp đã gặp, trao đổi trong tháng
		Xây dựng báo giá gửi DN	4	6	10	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ: Các báo giá xây dựng cho 1 dịch vụ trên cơ sở Trung tâm đã ban hành mức thu tạm thời hoặc đã có các báo giá có nội dung tương tự. - Trung Bình: Các báo giá xây dựng cho 2 dịch vụ trên cơ sở Trung tâm đã ban hành mức thu tạm thời - Khó: Trung tâm chưa ban hành đơn giá, chưa từng thực hiện báo giá với nội dung tương tự - Tổng số báo giá phát hành trong tháng
		Phối hợp góp ý báo giá	1	2	3	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ: Các báo giá xây dựng cho 1 dịch vụ trên cơ sở Trung tâm đã ban hành mức thu tạm thời hoặc đã có các báo giá có nội dung tương tự. - Trung Bình: Các báo giá xây dựng cho 2 dịch vụ trên cơ sở Trung tâm đã ban hành mức thu tạm thời - Khó: Khó: Trung tâm chưa ban hành đơn giá, chưa từng thực hiện báo giá với nội dung tương tự - Tổng số báo giá phát hành trong tháng

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			DỄ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
15	Hợp đồng đo kiểm sản phẩm, chứng nhận hợp quy, hợp đồng combo, hợp đồng khác qua tổ một cửa	Thương thảo hợp đồng	12	16	24	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ: Giá trị hợp đồng dưới 500 triệu - Trung bình: Giá trị hợp đồng từ 500 triệu - 2 tỷ. Trao đổi dưới 2 đơn vị nội bộ để thực hiện. - Khó: Giá trị hợp đồng từ 2 tỷ trở lên, phải trao đổi nhiều đơn vị (trong và ngoài trung tâm) để thực hiện - Số bản thương thảo hợp đồng trong tháng
		Dự thảo Hợp đồng	8	16	20	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ: Giá trị hợp đồng dưới 500 triệu - Trung bình: Giá trị hợp đồng từ 500 triệu - 2 tỷ. Trao đổi dưới 2 đơn vị nội bộ để thực hiện. - Khó: Giá trị hợp đồng từ 2 tỷ trở lên, phải trao đổi nhiều đơn vị (trong và ngoài trung tâm) để thực hiện - Số bản hợp đồng thực hiện trong tháng
		Phối hợp góp ý dự thảo Hợp đồng	1	2	3	Tên hợp đồng phối hợp góp ý
		Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Hợp đồng		8		Bản kế hoạch minh chứng
		Phối hợp góp ý kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng		2		Văn bản góp ý minh chứng
		Trao đổi hàng ngày, đơn đốc tiến độ các hợp đồng		0,5		<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi ngày 30 phút trên 1 hợp đồng đang triển khai (với phòng chuyên môn, khách hàng, KHTC, đối tác..) - Số ngày thực tế trao đổi
		Chăm sóc khách hàng	Theo thực tế			Minh chứng danh sách khách hàng chăm sóc
		Thực hiện các thủ tục nghiệm thu theo đợt theo yêu cầu của Hợp đồng	4	8	16	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ: Giá trị hợp đồng dưới 500 triệu - Trung bình: Giá trị hợp đồng từ 500 triệu - 2 tỷ. Trao đổi dưới 2 đơn vị nội bộ để thực hiện.

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			DỄ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
						<ul style="list-style-type: none"> - Khó: Giá trị hợp đồng từ 2 tỷ trở lên, phải trao đổi nhiều đơn vị (trong và ngoài trung tâm) để thực hiện - Số bản nghiệm thu thực hiện trong tháng
		Phối hợp thực hiện các thủ tục nghiệm thu Hợp đồng		2		Minh chứng hồ sơ nghiệm thu
		Dự thảo Biên bản Thanh lý Hợp đồng và thực hiện các thủ tục thanh lý Hợp đồng	4	8	16	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ: Giá trị hợp đồng dưới 500 triệu - Trung bình: Giá trị hợp đồng từ 500 triệu - 2 tỷ. Trao đổi dưới 2 đơn vị nội bộ để thực hiện. - Khó: Giá trị hợp đồng từ 2 tỷ trở lên, phải trao đổi nhiều đơn vị (trong và ngoài trung tâm) để thực hiện - Số bản thanh lý hợp đồng thực hiện trong tháng
		Hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thanh toán, Theo dõi, đốc thúc thanh toán		3		<ul style="list-style-type: none"> - Tính 3 giờ / 1 hợp đồng - Minh chứng số hợp đồng hướng dẫn thanh toán
III	SOẠN THẢO VĂN BẢN					
16	Soạn thảo văn bản nghiệp vụ thông thường đáp ứng công việc trong nội bộ trung tâm (Phiếu trình, công văn, biên bản, quyết định, hướng dẫn...)	Soạn thảo văn bản văn bản nghiệp vụ thông thường	0,5	2	10	<ul style="list-style-type: none"> - Tính cho 1 văn bản soạn thảo - minh chứng là số văn bản soạn thảo trong tháng. - Văn bản thông thường: Phục đáp văn bản đến, trả lời email, góp ý... - Văn bản phức tạp: Văn bản phải có nghiên cứu, đầu tư thời gian (việc đánh giá độ phức tạp do lãnh đạo đơn vị xét).
17	Soạn thảo báo cáo đột xuất, thường xuyên, định kỳ	Soạn thảo báo cáo đột xuất, thường xuyên định kỳ		2	9	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tính thời gian soạn thảo - Số báo cáo trong tháng
		Phối hợp soạn thảo văn bản báo cáo đột xuất, báo cáo thường xuyên	0,5	1	3	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tính thời gian phối hợp - Số báo cáo phối hợp trong tháng
		Chủ trì xây dựng Quy chế, quy định nội bộ, chức năng nhiệm vụ, định mức...		88		Tính thời gian soạn thảo – xin góp ý – ban hành

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
18	Soạn thảo Quy chế, quy định nội bộ, chức năng nhiệm vụ, định mức...	Người soạn thảo Quy chế, quy định nội bộ, chức năng nhiệm vụ, định mức...		88		Tính cho người soạn thảo
		Người phối hợp xây dựng Quy chế, quy định nội bộ, chức năng nhiệm vụ, định mức...		44		Mức phối hợp phải chiếm 50% nội dung xây dựng
19	Soạn thảo quy chuẩn nghiệp vụ (QCVN, Thông tư, đề tài).	Soạn thảo quy chuẩn nghiệp vụ (QCVN, Thông tư, đề tài).		500		Mỗi tháng được 40 giờ, cho đến khi xong (không quá thời gian đề cương)
20	Góp ý văn bản quy định, quy chế, thông tư....	Góp ý văn bản quy định, quy chế, thông tư....	1	2	4	Trưởng đơn vị là người đánh giá giá trị của nội dung góp ý. - Dễ cho mức chỉ đọc nhất trí - Trung bình: cho có 2 góp ý về KT và nội dung - Khó cho có từ trên 2 góp ý về nội dung. - Áp dụng cho người tổng hợp
	Góp ý văn bản quy định, quy chế, thông tư....	Người phối hợp góp ý văn bản quy định, quy chế, thông tư....	0,5	1	2	Người phối hợp có ý kiến đóng góp đều là những người đã đọc và tìm hiểu văn bản nên cũng cần được ghi nhận công việc. - Dễ cho mức chỉ đọc nhất trí - Trung bình: cho có 2 góp ý về KT và nội dung - Khó cho có từ trên 2 góp ý về nội dung. Áp dụng cho người tổng hợp
21	Sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định, quy trình, định mức	Sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định, quy trình, định mức	40	80		- Sửa đổi 50% trở lên: 80 giờ/ 1 quy định/1 tháng - Sửa đổi dưới 50%: 40 giờ /1 quy định /1 tháng
IV	VĂN THƯ					
22	Xử lý văn bản đi đến	Xử lý văn bản đi đến		0,08		- Tính 5 phút/văn bản- minh chứng: phải ghi rõ số văn bản đến từ số nào đến số nào đã xử lý trong tháng; ghi rõ số văn bản đi từ số nào đến số nào đã xử lý trong tháng
23	Quản lý con dấu	Quản lý con dấu		2		- Tính bình quân cho 2 giờ mỗi ngày để hoàn thiện các loại đóng dấu - Tính trên số ngày thực tế làm việc

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
24	Nhận và gửi hồ sơ đi và đến	Nhận và gửi hồ sơ đi và đến		0,3		- Tính bình quân 0.3 giờ/ ngày để gửi nhận văn bản - Tổng số ngày thực tế làm việc
25	Thực hiện tra soát bưu gửi bưu chính	Kiểm tra bưu gửi đã phát đến địa chỉ chưa		0,06		- Tính 0,06 giờ/yêu cầu tra soát - Tổng số lần tra soát trong tháng
26	Số hóa hồ sơ	Số hóa tài liệu công việc	0,03	0,09	0,16	- Tính 0.03-0.09-0.16 giờ/ 1 lần số hóa cho các mức ít - TB - nhiều - Tổng số lần số hóa trong tháng
27	Số hóa hồ sơ phục vụ công tác quyết toán cuối năm	Cuối năm thực hiện số hóa hồ sơ bao gồm cả UNC và phân tách theo từng bộ, đặt tên, sắp xếp file theo danh mục yêu cầu của Bp.KHTC	Theo thực tế			- Số hồ sơ thực hiện số hóa - Minh chứng là hồ sơ số hóa
V	KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH					
28	Kiểm soát hoạt động tài chính - kế toán - đấu thầu mua sắm	Kiểm soát các nội dung chi (phiếu chi, ủy nhiệm chi, đề nghị thanh toán)	0,2	0,5	1	Minh chứng tổng số hồ sơ (UNC, PC phải đi kèm hồ sơ thanh toán)
		Kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ hạch toán các bút toán	0,05	0,08	0,1	Minh chứng tổng nghiệp vụ hạch toán
		Thẩm định các báo cáo về tài chính - kế toán - thuế	0,5	1	3	Minh chứng cụ thể tên báo cáo
		Thẩm định dự thảo hợp đồng (không qua đấu thầu)	1	2	4	Minh chứng số hợp đồng
		Lập hồ sơ thanh toán (Người thanh toán)		1	8	- Ghi rõ số hồ sơ thanh toán - Hồ sơ thanh toán phức tạp gồm cả nghiệm thu như hồ sơ thanh toán chi phí quản lý tòa nhà 60 Canh Tân tính 8 giờ cho người lập thanh toán.
		Lập hồ sơ thanh toán cước (Người thanh toán)		0,24		- Tính trên 1 thuê bao - Tổng số thuê bao thực hiện thanh toán trong tháng

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
29	Hồ sơ thanh toán	Lập hồ sơ thanh toán (Kế toán)		1	4	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định Hồ sơ thanh toán phức tạp gồm cả nghiệm thu như hồ sơ thanh toán chi phí quản lý tòa nhà 60 Canh Tân tính 8 giờ cho người lập thanh toán., các gói thầu mua sắm, đo kiểm - Tổng số hồ sơ thanh toán trong tháng
		Hạch toán kế toán/hồ sơ		0,15		<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra lệnh thanh toán thành công thì in chứng từ, nhập dữ liệu hạch toán vào sổ kế toán chi tiết trên phần mềm kế toán theo quy định - Tổng số bút toán hạch toán trong tháng
		Đóng gói, lưu chứng từ bản giấy/hồ sơ		0,25		<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, rà soát, ghi danh sách, đóng và lưu chứng từ theo quy định - tính 0.25 giờ / 1 hồ sơ đóng gói - Tổng số hồ sơ lưu trong tháng
		Số hóa chứng từ/hồ sơ		0,25		<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, rà soát, scan chứng từ, đặt tên, lưu vào cơ sở dữ liệu chung - Tính 0.25 giờ / 1 hồ sơ - Tổng số hồ sơ số hóa trong tháng
30	Đối chiếu số liệu về thuế GTGT với chuyên viên theo dõi	Thực hiện đối chiếu số liệu về thuế GTGT đầu ra - đầu vào với chuyên viên thực hiện (đối chiếu 1 tháng /1 lần)		1		Tính 1 giờ / 1 tháng /1 lần
31	Đối chiếu số thu phí với người xuất hóa đơn	Nhận thông tin tiền về tài khoản từ ngân hàng gửi đến người xuất hóa đơn		0,25		-Tính bình quân 0.25 giờ/1 ngày làm việc - minh chứng là chứng từ ngân hàng
		Thực hiện đối chiếu số thu phí hàng tháng với người xuất hóa đơn		2		Tính 2 giờ/tháng/1 lần
		Thông báo cho tổ chức, cá nhân các khoản chi phí phải nộp theo thông báo		0,08		<ul style="list-style-type: none"> -Tính trên 1 thông báo- 1 hóa đơn - Ghi rõ số hóa đơn đã lập , đã ký duyệt, đã hạch toán
		Xuất hóa đơn, biên lai		0,25		<ul style="list-style-type: none"> -0.25 giờ / 1 Thông báo /1 hóa đơn - Tổng số hóa đơn xuất trong tháng

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
32	Xuất hóa đơn, biên lai	Phê duyệt hóa đơn, biên lai		0,15		-0.15 giờ /1 hóa đơn -Tổng số hóa đơn ký duyệt trong tháng
		Hạch toán hóa đơn biên lai		0,15		- 0.15 giờ / 1 hóa đơn hạch toán - Tổng số hóa đơn, biên lai hạch toán trong tháng
		Gửi hóa đơn, biên lai cho khách hàng		0,08		-Tính 0.08 giờ /1 hóa đơn -Tổng số hóa đơn gửi cho khách hàng
33	Đối chiếu số dư, theo dõi công nợ	Kiểm tra, rà soát, theo dõi công nợ phải thu/ 1 khách hàng.		0,1		-Số chứng từ đối chiếu công nợ -0.1 giờ / 1 công nợ
		Kiểm tra đối chiếu số dư tháng với NH, KB		4		4 giờ / 1 lần/ tháng
		Lập giấy đối chiếu số dư		0,25		-0.25 giờ /1 lần lập -Tổng số lần lập trong tháng
		Kiểm tra, rà soát theo dõi tạm ứng		0,1		-Tính 0.1 giờ /1 đối tượng - Tổng số đối tượng kiểm tra trong tháng
		Phối hợp lập kế hoạch nhiệm vụ năm (nghiên cứu, hướng dẫn, trao đổi các bộ phận liên quan)		24		Minh chứng hồ sơ: Sổ quyết định, phiếu trình, công văn liên quan dự toán. Kết quả công việc là được phê duyệt dự toán.
		Lập danh mục nhiệm vụ (thường xuyên tự chủ và thường xuyên không tự chủ)		24		
		Thuyết minh từng danh mục nhiệm vụ (sở cứ, sự cần thiết, đơn vị thực hiện, thời gian dự kiến thực hiện, đơn vị phối hợp...)		24		
		Tổng hợp, trình danh mục nhiệm vụ lên cơ quan chủ quản cấp trên		24		
		Phối hợp lập dự toán (hướng dẫn, trao đổi các bộ phận liên quan)		24		

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
34	Lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm	Lập dự toán (Thuyết minh sở cứ, sự cần thiết, đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, thời gian thực hiện từng nhiệm vụ)		24		
		Tổng hợp dự toán		24		
		Thu thập, sắp xếp hồ sơ bản số hóa, Trình hồ sơ dự toán trên văn bản điện tử lên Trưởng đơn vị, đơn vị quản lý cấp trên		24		
		Thẩm định, phê duyệt dự toán (Trưởng đơn vị)		16		
		Thẩm định, phê duyệt dự toán điều chỉnh (Trưởng đơn vị)		16		
		In ấn, trình ký, đóng dấu hồ sơ bản cứng gửi cơ quan cấp trên		8		
		Lập danh mục nhiệm vụ mua sắm		4		- Tính trên 1 nhiệm vụ, bao gồm thuyết minh, lấy bao giá.
		Tổng hợp nhu cầu mua sắm các đơn vị thuộc Trung tâm (hướng dẫn, trao đổi nội dung liên quan)		10	24	- Mức Trung bình: Khi tổng hợp các nhiệm vụ mua sắm phát sinh trong năm - Mức Khó: áp dụng cho khối lượng lớn, thực hiện cho cả năm
		Trình, thẩm định Danh mục mua sắm (P. HCTH tổng hợp các đơn vị Miền Bắc, CNMN, CNMT)		4	16	- Áp dụng đối với một người thực hiện. - Mức Trung bình: Áp dụng khi thực hiện đối với từng vụ việc - Mức Khó: Áp dụng đối với thẩm định danh mục mua sắm năm
		Dự thảo phê duyệt danh mục nhiệm vụ		4		Minh chứng bằng số quyết định được ban hành
		Trình, thẩm định Dự toán mua sắm		8		Minh chứng bằng số phiếu trình của đơn vị
		Dự thảo phê duyệt Dự toán mua sắm		4		Minh chứng bằng số quyết định được ban hành

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
35	Công tác mua sắm	Trình, thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm		8		Minh chứng bằng số phiếu trình của đơn vị
		Dự thảo phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu		4		Minh chứng bằng số quyết định được ban hành
		Đăng tải Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên mạng đấu thầu quốc gia		1		Minh chứng bằng ngày thực hiện, số thông báo (nếu có)
		Dự thảo phê duyệt thành lập Tổ chuyên gia (hoặc thuê đơn vị tư vấn), Tổ thẩm định		8		Minh chứng bằng số quyết định được ban hành
		Lập Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Tổ chuyên gia hoặc Đơn vị tư vấn)		8		Minh chứng bằng số hồ sơ mời thầu, nội dung hồ sơ mời thầu
		Trình thẩm định Hồ sơ mời thầu (Hồ sơ yêu cầu)		8		Minh chứng bằng số hồ sơ mời thầu được thẩm định
		Đăng tải Hồ sơ mời thầu trên mạng đấu thầu quốc gia		2		Minh chứng bằng ngày đăng tải, số hồ sơ (nếu có)
		Sửa đổi Hồ sơ mời thầu (nếu có)	Theo thực tế			Minh chứng bằng số hồ sơ mời thầu (sửa đổi), hoặc có thuyết minh nội dung sửa đổi
		Dự thảo, phê duyệt văn bản sửa đổi Hồ sơ mời thầu đăng tải trên mạng đấu thầu quốc gia (nếu có)		4		Minh chứng bằng số văn bản được phê duyệt
		Đánh giá Hồ sơ mời thầu (Tổ chuyên gia hoặc Đơn vị tư vấn)		24		Minh chứng bằng số báo cáo đánh giá
		Làm rõ Hồ sơ mời thầu theo đánh giá của Tổ chuyên gia (Đơn vị tư vấn)		24		Minh chứng bằng số văn bản

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			DỄ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Dự thảo, phê duyệt văn bản làm rõ Hồ sơ dự thầu đăng tải trên mạng đấu thầu quốc gia (nếu có)		8		Minh chứng bằng số văn bản được phê duyệt
		Văn bản, báo cáo đánh giá Hồ sơ dự thầu (Tổ chuyên gia)		24		Minh chứng bằng số văn bản
		Dự thảo, phê duyệt văn bản mời nhà thầu đến đối chiếu tài liệu (trường hợp lựa chọn được nhà thầu)		8		Minh chứng bằng số văn bản được phê duyệt
		Hoàn thiện Biên bản đối chiếu tài liệu		2		Minh chứng bằng số biên bản
		Trình thẩm định, dự thảo phê duyệt văn bản mời nhà thầu hoàn thiện thương thảo hợp đồng		8		Minh chứng bằng số văn bản
		Hoàn thiện Biên bản thương thảo hợp đồng		8		Minh chứng bằng số Biên bản
		Dự thảo Hợp đồng gửi các đơn vị liên quan, Nhà thầu cho ý kiến		4		Minh chứng bằng số văn bản
		Trình, thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm		8		Minh chứng bằng số văn bản
		Dự thảo phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu		8		Minh chứng bằng số văn bản
		Dự thảo Thông báo, Thư chấp thuận và trao hợp đồng		6		Minh chứng bằng số văn bản
		Đăng tải Kết quả lựa chọn nhà thầu trên mạng đấu thầu quốc gia		1		Minh chứng bằng số văn bản/số thông báo

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Hoàn thiện Hợp đồng		4		Minh chứng bằng số văn bản
		Đăng tải công khai thông tin chủ yếu của Hợp đồng		1		Minh chứng bằng số văn bản/số thông báo
		Thực hiện thủ tục Bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng		Theo thực tế		Minh chứng bằng số giấy bảo lãnh được cấp
		Triển khai thực hiện hợp đồng		Theo thực tế		Minh chứng bằng kế hoạch triển khai được phê duyệt
		Nghiệm thu thanh lý hợp đồng		Theo thực tế		Minh chứng bằng số biên bản (Trường hợp đặc biệt cao hơn định mức các loại hợp đồng khác phải thuyết minh rõ lý do)
		Hoàn thiện hồ sơ lưu trữ		2		Thuyết minh cụ thể
		36	Đấu thầu dịch vụ Hợp đồng kinh tế, hợp đồng dịch vụ (Đo CLDV, PTHH)	Nghiên cứu hồ sơ mời thầu		Theo thực tế
Chuẩn bị hồ sơ dự thầu				Theo thực tế		
Lập hồ sơ dự thầu				24		Tên hồ sơ thầu, dự án, hợp đồng
Phối hợp lập hồ sơ dự thầu				8		
Thực hiện nộp thầu				8		
Thực hiện thủ tục bảo lãnh dự thầu				Theo thực tế		Tên hồ sơ thầu, dự án, hợp đồng
Dự thảo hợp đồng				8		Tên hồ sơ thầu, dự án, hợp đồng
Phối hợp tham gia dự thảo hợp đồng				Theo thực tế		
Góp ý hợp đồng				2		
Phối hợp các đơn vị liên quan				2		
Thẩm định hợp đồng				4		
Thực hiện thủ tục bảo lãnh thực hiện hợp đồng				Theo thực tế		Tên hồ sơ thầu, dự án, hợp đồng
37	Phân công, theo dõi, đơn đốc thực hiện hợp đồng, dự án	Theo dõi đơn đốc hợp đồng		1		Bình quân mỗi hợp đồng/dự án cần 04 lần, mỗi lần 15p để theo dõi, đơn đốc thực hiện hợp đồng, dự án
		Theo dõi đơn đốc dự án		2		

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
38	Nghiệm thu thanh lý dự án, hợp đồng	Nghiệm thu hợp đồng, lập hồ sơ thanh toán		8		Tên hồ sơ hợp đồng – dự án nghiệm thu
		Thẩm xét ký hồ sơ nghiệm thu thanh lý HĐ (Trưởng đơn vị)		2		Tên hồ sơ hợp đồng – dự án nghiệm thu
39	Công tác thủ quỹ	Thu, chi tiền mặt		0,16		Minh chứng hồ sơ báo cáo: phải ghi rõ từ số phiếu chi/thu nào đến số nào trong tháng
		Kiểm kê quỹ hàng tháng		0,5		Tính 0,5 giờ/tháng và 0,5 giờ/ 1 lần kiểm kê khi có yêu cầu đột xuất
		Ghi sổ quỹ tiền mặt		0,3		Tính 3,5 giờ/năm, tính bình quân 0,3 giờ/tháng
40	Công tác tổng hợp, báo cáo tài chính	Báo cáo tổng hợp số liệu (không tính toán)		2		Tính 2 giờ / 1 báo cáo - Áp dụng cho các báo cáo liên quan kế toán, tài chính. Minh chứng trên hồ sơ báo cáo: Tên các báo cáo đã hoàn thành đã được phê duyệt và nộp các cấp có thẩm quyền.
		Báo cáo tổng hợp số liệu (có tính toán)		4		Tính 4 giờ / 1 báo cáo
		Báo cáo tháng		4		Tính 4 giờ / 1 báo cáo
		Báo cáo quý		8		Tính 8 giờ / 1 báo cáo
		Phối hợp lập báo cáo quý		4		Tính 4 giờ / 1 báo cáo /1 phối hợp
		Báo cáo năm		80		Riêng báo cáo năm vì thời gian hạn mức quy định hoàn thành kéo dài 3 tháng, nên ghi theo số giờ thực hiện trong tháng thực tế làm hoặc quy định mỗi tháng hoàn thành bao nhiêu giờ nhưng tổng mức thời gian không quá 80 giờ/1 báo cáo năm.
		Phối hợp báo cáo năm (người cung cấp số liệu chi tiết)		40		Tính 40 giờ/1 phối hợp cho người cung cấp số liệu chi tiết

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Lập tờ khai thuế, giấy nộp tiền vào ngân sách tháng/quý		1		1 giờ/1 nhiệm vụ (rà soát, tổng hợp số liệu tháng, quý lập tờ khai trình ký nộp cơ quan thuế, lập giấy nộp tiền vào NSNN trình ký nộp cơ quan thuế)
		Quyết toán các loại thuế, phí năm		8		8 giờ /1 báo cáo quyết toán (rà soát đối chiếu chi tiết, tổng hợp số liệu cả năm, lập báo cáo, kê khai quyết toán)
		Lập báo cáo thuế GTGT (05 phút/1 hóa đơn),		0,08		Tính bình quân 5 phút/1 hóa đơn (Do khối lượng hóa đơn đầu vào với số lượng rất lớn, trên 500 hóa đơn/quý nên đề xuất tách riêng để tính định mức/1 hóa đơn)
		Lập Bảng kê hóa đơn, biên lai bán hàng		0,3		- Tính bình quân 0.3 giờ/1 ngày - Tổng số ngày thực tế làm việc trong tháng
		Lập Bảng kê hóa đơn, biên lai bán Quý		4		Tính bình quân 4 giờ/1 quý- đã tính trừ thời gian lập hàng ngày, chỉ tính cho 1 lần soát xét
41	Tính, chi trả tiền lương (bao gồm lập bảng lương, tính thuế TNCN, BHXH, hạch toán)	Tính lương hàng tháng (1 kỳ)		8		Minh chứng bằng tên kỳ tính lương
	Tính, rà soát, lập các khoản như làm thêm giờ, tiền khen thưởng, phúc lợi	Tính, rà soát, lập các khoản như làm thêm giờ, tiền khen thưởng các loại	2	4	6	- Tính trên lần thanh toán - Tổng số lần lập trong tháng
42	Xây dựng đề án, định mức kinh tế (tài sản, tài chính, kỹ thuật...)	Xây dựng đề án (chủ trì)		88		Tính thời gian nghiên cứu tài liệu, tổng hợp dữ liệu.
		Xây dựng đề án (soạn thảo)		88		Tính cho người soạn thảo
		Xây dựng đề án (phối hợp)		44		Tính cho người phối hợp
		Thẩm định đề án		16		Tính 16 giờ/ 1 đề án, dự án....
43	Các nghiệp vụ kế toán khác	Tính khấu hao, hao mòn tài sản		24		Kỳ báo cáo năm và kỳ báo cáo tháng
		Kiểm tra, đối soát dữ liệu về báo cáo kiểm kê tài sản		24		

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
44	Định khoản vào phần mềm MISA	hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào phần mềm (6p/1 bộ chứng từ)		0,15		Tính 0.15 giờ /1 bộ chứng từ
45	In sổ phụ NH, in unc KB - Bổ sung	Truy cập vào trang web (NH MSB, NH VIB), KB in sổ phụ để lưu cùng chứng từ (ngày)		0,5		Tính 0.5 giờ / 1 ngày
46	Thực hiện lưu trữ, sắp xếp chứng từ theo tập (theo tháng)	Sắp xếp chứng từ theo tập (vd: tiền mặt, NH, KB...)		1		Tính 1 giờ/1 tháng
47	Giao dịch ngân hàng, Kho bạc	Giao nhận UNC, mở tài khoản, đóng tài khoản, thay đổi thông tin của đơn vị (thay đổi tên, dấu, chủ tài khoản, kế toán trưởng, kế toán thanh toán...)	Theo thực tế			Chi phát sinh khi ra ngân hàng chuyển tiền ra Trung tâm
VI	KẾ HOẠCH					
48	Xây dựng kế hoạch công tác định kỳ, năm, tháng, quý	Phối hợp xây dựng kế hoạch công tác định kỳ, năm, tháng, quý		4		Tính 4 giờ / 1 kế hoạch cho G167Người phối hợp: cung cấp thông tin mảng công việc của cá nhân cho người xây dựng kế hoạch soạn thảo kế hoạch.
		Chủ trì xây dựng kế hoạch công tác định kỳ, năm, tháng, quý		24		Tính 24 giờ / 1 kế hoạch cho người soạn thảo phải tổng hợp các thông tin, sắp xếp thông tin, xem xét tổng quát chức năng nhiệm vụ của đơn vị để soạn thảo bản kế hoạch.
49	Xây dựng kế hoạch đo dịch vụ, kế hoạch kiểm định, kế hoạch giám sát, đo kiểm sản phẩm, nhân sự, tài chính, dự toán...	Phối hợp xây dựng kế hoạch đo dịch vụ, kế hoạch kiểm định, kế hoạch giám sát, đo kiểm sản phẩm, nhân sự, tài chính, dự toán...		12		Người phối hợp: cung cấp thông tin nhu cầu của mảng công việc cá nhân cho người xây dựng kế hoạch soạn thảo kế hoạch.
		Thẩm định dự toán (BP KHTC)		4	8	
		Chủ trì xây dựng kế hoạch đo dịch vụ, kế hoạch kiểm định, kế hoạch giám sát, đo kiểm sản phẩm, nhân sự, tài chính, dự toán...		24		Người soạn thảo phải tổng hợp các thông tin, sắp xếp thông tin, xem xét tổng quát nhu cầu của đơn vị để soạn thảo bản kế hoạch.

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Chủ trì xây dựng kế hoạch ngoài các dịch vụ của Trung tâm		48		Tính 48 giờ cho người chủ trì, người phối hợp tính theo thực tế
50	Xây dựng kế hoạch duy trì hệ thống ISO	Xây dựng kế hoạch duy trì hệ thống ISO		1		Tất cả việc xây dựng kế hoạch duy trì ISO 17025, 17065, 9001
VII	TỔ CHỨC NHÂN SỰ					
51	Xây dựng Đề án vị trí việc làm	Chủ trì xây dựng Đề án vị trí việc làm Phối hợp xây dựng Đề án vị trí việc làm		6 3		Chỉ tính khi phát sinh, tính hoàn thành dự thảo
52	Tổ chức thực hiện các kế hoạch	Tổ chức các cuộc họp thực hiện các kế hoạch (tuyển dụng; đào tạo bồi dưỡng; bổ nhiệm; Bố trí, phân công công tác, luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí việc làm, thi đua khen thưởng, kỷ luật ...)	Theo thực tế			
53	Quản lý, theo dõi hồ sơ nhân sự	Hàng ngày xuất file chấm công để theo dõi và nhắc nhở mọi người thực hiện đúng quy chế làm việc. Cuối tháng tổng hợp đơn xin nghỉ phép trong tháng và dữ liệu máy chấm công tổng hợp vào Bảng chấm công theo mẫu ban hành trong Quy chế tiền lương và TNTT của Trung tâm Quản lý, theo dõi hồ sơ nhân sự (theo dõi hợp đồng, lương, phép, thai sản, bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, chấm công...)		0,2 1		- Hàng ngày xuất file chấm công để theo dõi và nhắc nhở mọi người thực hiện đúng quy chế làm việc: Trung bình 0,2 giờ / ngày làm việc - Bảng chấm công tháng: 2 giờ / bảng chấm công Không bao gồm thời gian chờ lấy thông tin- Ghi rõ tên hồ sơ thực hiện trong kỳ báo cáo
54	Thẩm định Hội đồng lương	Thẩm định Hội đồng lương		24		Ghi rõ tháng thẩm định, tính trên một lần họp hội đồng lương
VIII	QUẢN TRỊ					

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
55	Tiếp nhận, bàn giao tài sản (tài sản công cụ dụng cụ, tài sản cố định, sim thẻ...)	Tiếp nhận, bàn giao tài sản (tài sản công cụ dụng cụ, tài sản cố định, sim thẻ...)		2		- Tính bình quân cho 2 giờ làm 1 biên bản- ghi rõ tên biên bản lập, ngày tháng lập
56	Tiếp nhận và xử lý yêu cầu sửa chữa, bảo dưỡng, hiệu chuẩn tài sản, công cụ dụng cụ, đồ mực, thanh toán điện nước, internet...	Tiếp nhận và xử lý yêu cầu sửa chữa, bảo dưỡng, hiệu chuẩn tài sản, công cụ dụng cụ, đồ mực, thanh toán điện nước, internet...		0,16		Tên sự vụ thực hiện
57	Giám sát đơn vị sửa chữa, bảo dưỡng	Theo dõi, kiểm tra việc sửa chữa		0,5		Tính 0.5 giờ/1 lần sửa chữa (Không tính theo thực tế vì đây là việc giám sát không phải theo từng giây người sửa chữa)
58	Tổ chức sắp xếp vị trí chỗ làm việc	Tổ chức sắp xếp vị trí chỗ làm việc		8		Tên sự vụ thực hiện
59	Kiểm kê tài sản, quỹ hàng năm	Kiểm kê tài sản, quỹ hàng năm		24		Tính cho 24 giờ/kiểm kê
60	Quản trị website (<i>Quản trị nội dung, Vận hành bảo trì hệ thống, Bảo mật và an toàn thông tin, Phát triển và nâng cấp hệ thống</i>)	Quản trị website (<i>Quản trị nội dung, Vận hành bảo trì hệ thống, Bảo mật và an toàn thông tin, Phát triển và nâng cấp hệ thống</i>)		1		Tính cho 60 phút hàng ngày để thực hiện các công việc phát sinh liên quan đến công tác quản trị, vận hành/01 website (hiện tại TQC đang vận hành 01 website của trung tâm tại tên miền tqc.go.vn và ứng dụng tra cứu dữ liệu cấp giấy chứng nhận kiểm định tại địa chỉ kiemdinhtqc.gov.vn

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
61	Quản trị hệ thống mạng nội bộ (Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị, Theo dõi và xử lý cảnh báo, Kiểm tra và quản lý truy cập mạng, Sao lưu và khôi phục cấu hình thiết bị, Cập nhật firmware và bản vá bảo mật cho các thiết bị: bao gồm Internet, LAN, máy chủ, NAS, thiết bị chuyển mạch, thiết bị WiFi AP, thiết bị tường lửa, và Smart UPS.)	Quản trị hệ thống mạng nội bộ (Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị, Theo dõi và xử lý cảnh báo, Kiểm tra và quản lý truy cập mạng, Sao lưu và khôi phục cấu hình thiết bị, Cập nhật firmware và bản vá bảo mật cho các thiết bị: bao gồm Internet, LAN, máy chủ, NAS, thiết bị chuyển mạch, thiết bị WiFi AP, thiết bị tường lửa, và Smart UPS.)		2		Tính 2 giờ / việc quản trị hệ thống mạng nội bộ hàng ngày
62	Theo dõi thiết bị đo (đề xuất sửa chữa, bảo dưỡng, hiệu chuẩn)	Theo dõi thiết bị đo (đề xuất sửa chữa, bảo dưỡng, hiệu chuẩn)		0,2		Tính cho 12 phút hàng ngày để thực hiện các công việc phát sinh liên quan
63	Quản trị tòa nhà (Phối hợp với quản lý toà nhà kiểm soát vệ sinh, bảo vệ, an toàn PCCC, cây cảnh môi trường, bảo trì, bảo dưỡng tòa nhà...các hạng mục của tòa nhà)	Quản trị tòa nhà (Phối hợp với quản lý toà nhà kiểm soát vệ sinh, bảo vệ, an toàn PCCC, cây cảnh môi trường, bảo trì, bảo dưỡng tòa nhà...các hạng mục của tòa nhà)		1		Tính bình quân 1 giờ/1 ngày làm việc
IX	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH					
64	Tiếp nhận sự chỉ đạo của LĐ cấp trên	Tiếp nhận sự chỉ đạo của LĐ cấp trên		0,16		Ước lượng: 10 phút xử lý 1 chỉ đạo – gọi tên nhiệm vụ nhận chỉ đạo
65	Giao việc (giao việc định kỳ, đột xuất), bố trí sắp xếp chỗ làm việc	Giao việc (giao việc định kỳ, đột xuất), bố trí sắp xếp chỗ làm việc		0,1		Ước lượng: 6 phút 1 nhiệm vụ - tính tổng các nhiệm vụ của toàn bộ viên chức trong đơn vị bao gồm cả nhiệm vụ khác

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			DỄ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
66	Đánh giá tháng, quý, năm (đánh giá định kỳ, đột xuất)	Đánh giá tháng, quý, năm (đánh giá định kỳ, đột xuất)		0,15		Ước lượng: 10 phút 1 nhiệm vụ - tính tổng các nhiệm vụ viên chức trong đơn vị
67	Ký duyệt các văn bản, phiếu trình, công văn....	Ký duyệt các văn bản, phiếu trình, công văn....	0,25	1	2	VB nghiệp vụ thường xuyên: 0,25 giờ /1 văn bản VB nghiệp vụ mới/không thường xuyên: 1 giờ/1 văn bản VB nghiệp vụ mới, khó, lĩnh vực rộng: 2 giờ/1 văn bản
68	Xử lý, giải quyết các vấn đề nội bộ và của khách hàng	Xử lý, giải quyết các vấn đề nội bộ và của khách hàng		0,5		Gọi tên các vấn đề đã xử lý
69	Hội họp	Hội họp	Theo thực tế			Minh chứng là lịch làm việc của Trung tâm
X	ĐO KIỂM CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ		Toàn bộ tính cho thời gian 1 người thực hiện nhiệm vụ, nếu số người thực hiện hơn 1 sẽ phân bổ theo số người (trừ các nhiệm vụ tính theo thời gian thực tế)			
70	Nhiệm vụ Cục giao	Nghiên cứu các địa bàn, các tiêu chí...để lựa chọn các tỉnh phục vụ xây dựng Ban hành Kế hoạch đo kiểm năm/đột xuất		24		Minh chứng bằng công văn, văn bản đề nghị nghiên cứu (áp dụng với người được giao nhiệm vụ)
		Trao đổi với Phòng CNDV về Kế hoạch đo kiểm năm/đột xuất		8		Minh chứng bằng công văn, văn bản trao đổi (áp dụng với người được giao nhiệm vụ)
		Dự thảo: - Ban hành Kế hoạch đo kiểm - Giao nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch - Phiếu trình Lãnh đạo Cục		16		Minh chứng bằng số văn bản
		Lập Phương án đo kiểm	24	32	40	- Dễ: Lập PA đo cho 01 nhà mạng: 40h/01 dịch vụ/01 tỉnh - Trung Bình: Lập PA đo cho 02 nhà mạng: 32h/01 dịch vụ/01 tỉnh

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
						- Khó: Lập PA đo từ 03 nhà mạng trở lên: 40h/01 dịch vụ/01 tỉnh
		Dự thảo Phiếu trình Lãnh đạo Cục Phương án đo kiểm		8	12	
		Phối hợp xây dựng dự toán đo kiểm		16	24	Tìm kiếm nhà cung cấp, lấy báo giá thuê thiết bị, nhân công, đàm phán chốt giá, tập hợp hồ sơ nhân lực, thiết bị đáp ứng đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ đo kiểm được giao
		Lập dự toán đo kiểm		16	24	
		Dự thảo Phiếu trình Lãnh đạo Cục dự toán đo kiểm		4		Minh chứng bằng số văn bản
		Xây dựng Kế hoạch triển tổng thể khai theo nhiệm vụ Cục phân giao		8		Minh chứng bằng số văn bản
		Xây dựng Kế hoạch đo, xây dựng dự toán, Dự thảo Phiếu trình và trình kế hoạch đo kiểm tại từng tỉnh		24		24h/01 tỉnh. Minh chứng bằng số văn bản
		Dự thảo văn bản và gửi văn bản cho Sở và các Doanh nghiệp thông báo Kế hoạch đo kiểm		4		Từ 4h/01 văn bản/01 đơn vị. Minh chứng bằng số văn bản
		Phối hợp với các Sở bổ sung các điểm đo, khu vực theo đề xuất của Sở		16		16h/01 Sở/01 đợt đo. Minh chứng bằng số văn bản do Sở đề xuất (nếu có)
		Công tác chuẩn bị đo kiểm: cấu hình thiết bị, chuẩn bị máy móc, vật tư đo kiểm	24	48	60	Đễ: Chuẩn bị đo cho 01 nhà mạng: 24h/01 dịch vụ/01 đợt đo Trung Bình: Chuẩn bị đo cho 02 nhà mạng: 48h/01 dịch vụ/01 đợt đo Khó: Chuẩn bị đo từ 03 nhà mạng trở lên: 60h/01 dịch vụ/01 đợt đo
		Đo kiểm tại hiện trường	Theo thực tế QĐ công tác			-

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			DỄ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Xử lý số liệu, lập báo cáo Data 4G/5G/FTTH...	120	160	180	- Dễ: Xử lý số liệu cho 01 nhà mạng/01 địa bàn - Trung Bình: Xử lý số liệu cho 02 nhà mạng/01 địa bàn - Khó: Xử lý số liệu cho 03 nhà mạng/01 địa bàn
		Xử lý số liệu, lập báo cáo Voice (thoại)	200	240	280	- Dễ: Xử lý số liệu cho 01 nhà mạng/01 địa bàn - Trung Bình: Xử lý số liệu cho 02 nhà mạng/01 địa bàn - Khó: Xử lý số liệu cho 03 nhà mạng/01 địa bàn
		Thẩm định báo cáo xử lý		16		16h/01 nhà mạng/01 địa bàn
		Báo cáo Lãnh đạo Trung tâm Kết quả đo kiểm		8		Minh chứng bằng số văn bản
		Dự thảo Phiếu trình báo cáo Lãnh đạo Cục Kết quả đo kiểm		16		Minh chứng bằng số văn bản
		Thanh Quyết toán nhiệm vụ đo kiểm		40	80	Thẩm định hồ sơ thanh toán (kiểm tra hóa đơn, kiểm tra lộ trình xe, đối chiếu số liệu kê khai của đoàn công tác...), Lập hồ sơ thanh (bảng biểu theo quy định, hướng dẫn của kho bạc nhà nước...), trình phê duyệt quyết toán kinh phí, mang ra cơ quan kho bạc thanh, quyết toán
		Dự thảo văn bản gửi các DN khắc phục các điểm đo, khu vực có chất lượng kém		4		Từ 4h/01 văn bản/01 đơn vị. Minh chứng bằng số văn bản
		Dự thảo văn bản gửi Sở Kết quả đo kiểm		4		Từ 4h/01 văn bản/01 đơn vị. Minh chứng bằng số văn bản
		Theo dõi đơn đốc các DN báo cáo khắc phục khu vực điểm đo, khu vực có chất lượng kém		4		Từ 4h/01 văn bản/01 đơn vị. Minh chứng bằng số văn bản
		Tổng hợp báo cáo từ các Doanh nghiệp		4		Từ 4h/01 văn bản/01 đơn vị. Minh chứng bằng số văn bản

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			DỄ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Dự thảo văn bản gửi Sở Kết quả khắc phục của các Doanh nghiệp		4		Từ 4h/01 văn bản/01 đơn vị. Minh chứng bằng số văn bản
		Phối hợp với các đơn vị đăng kết quả lên Website		4		Từ 4h/01 văn bản/01 đơn vị. Minh chứng bằng số văn bản
71	Đo kiểm CLDV theo Hợp đồng	Gặp DN, trao đổi, tìm hiểu nhu cầu đo kiểm năm của các DN	8	16	24	- Dễ: Hợp đồng dưới 2 tỷ - Trung Bình: Hợp đồng từ 2-5 tỷ - Khó: Hợp đồng trên 5 tỷ
		Xây dựng báo giá gửi DN trình phê duyệt chủ trương (03 báo giá)	8	12	16	- Dễ: Hợp đồng dưới 2 tỷ: 8h/01 báo giá - Trung Bình: Hợp đồng từ 2-5 tỷ: 12h/01 báo giá - Khó: Hợp đồng trên 5 tỷ : 16h/01 báo giá
		Xây dựng phương án đo kiểm cho hồ sơ dự thầu	24	32	40	- Dễ: Lập PA đo cho 01 nhà mạng: 40h/01 dịch vụ/01 tỉnh - Trung Bình: Lập PA đo cho 02 nhà mạng: 32h/01 dịch vụ/01 tỉnh - Khó: Lập PA đo từ 03 nhà mạng trở lên: 40h/01 dịch vụ/01 tỉnh
		Dự thảo thỏa thuận Liên danh		4	12	Minh chứng bằng số văn bản
		Chủ trì Lập hồ sơ dự thầu		40	48	Minh chứng bằng số văn bản
		Phối hợp lập hồ sơ dự thầu		16	32	Minh chứng bằng số văn bản
		Nộp hồ sơ thầu		8	16	Minh chứng bằng số văn bản
		Dự thảo Biên bản thương thảo Hợp đồng		8		Minh chứng bằng số văn bản
		Dự thảo Hợp đồng	12	16	20	- Dễ: Hợp đồng đo 01 nhà mạng - Trung Bình: Hợp đồng đo 02 nhà mạng - Khó: Hợp đồng đo 03 nhà mạng
		Dự thảo thỏa thuận thực hiện Hợp đồng (nếu có Liên danh)		8		Minh chứng bằng số văn bản

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Hợp đồng		8		Minh chứng bằng số văn bản
		Xây dựng Kế hoạch đo, xây dựng dự toán, Dự thảo Phiếu trình và trình kế hoạch đo kiểm tại từng tỉnh		8		8h/01 tỉnh. Minh chứng bằng số văn bản
		Công tác chuẩn bị đo kiểm: cấu hình thiết bị, chuẩn bị máy móc, vật tư đo kiểm, vẽ route, tìm điểm đo...	48	48	72	- Dễ: Đo 1 nhà mạng cho 01 Quy chuẩn - Trung bình: Đo 02 nhà mạng hoặc 02 Quy chuẩn trở lên - Khó đo từ 3 nhà mạng trở lên
		Đo kiểm tại hiện trường	Theo thực tế QĐ công tác			
		Trao đổi tổng hợp các nội dung đo kiểm hàng ngày, các lỗi mạng...với đầu mối DN		1		Báo cáo hàng ngày theo thời gian đo kiểm hiện trường
		Xử lý số liệu, lập báo cáo Data 4G/5G/FTTH...	160	200	220	- Dễ: Xử lý số liệu cho 01 nhà mạng/01 địa bàn - Trung Bình: Xử lý số liệu cho 02 nhà mạng/01 địa bàn - Khó: Xử lý số liệu cho 03 nhà mạng/01 địa bàn
		Xử lý số liệu, lập báo cáo Voice (thoại)	240	280	320	- Dễ: Xử lý số liệu cho 01 nhà mạng/01 địa bàn - Trung Bình: Xử lý số liệu cho 02 nhà mạng/01 địa bàn - Khó: Xử lý số liệu cho 03 nhà mạng/01 địa bàn
		Thẩm định báo cáo xử lý		8		8h/01 báo cáo
		Trao đổi với DN các kết quả đo kiểm, xử lý các phát sinh theo yêu cầu của DN		8	16	
		In ấn báo cáo, chuyển báo cáo cho DN		8		8h/01 tỉnh
		Chăm sóc khách hàng chủ đầu tư	Theo thực tế			

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Thực hiện các thủ tục nghiệm thu theo đợt đo theo yêu cầu của Hợp đồng		24		24h/01 lần nghiệm thu
		Dự thảo Biên bản Thanh lý Hợp đồng và thực hiện các thủ tục thanh lý Hợp đồng		24		20h/01 Hợp đồng
72		Thẩm định hợp đồng, thẩm định thanh lý hợp đồng		2	4	tính trên 1 nhiệm vụ
73		Hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ thanh toán, Theo dõi, đốc thúc thanh toán		3		
74	Quản trị thiết bị đo	Quản lý thiết bị đo		8		Mỗi tháng 8h
		Bảo trì thiết bị đo		8		Mỗi tháng 8h
		Mượn/trả thiết bị đo từng đợt đo		2		2h/01 đoàn đo
		Kiểm kê thiết bị		72		72h/năm
XI	CHỨNG NHẬN HỢP QUY					
75	Tiếp nhận hồ sơ CNHQ	Tư vấn hồ sơ CNHQ		0,25		Tính 0..25 giờ / 1 khách hàng tư vấn
		Tiếp nhận hồ sơ CNHQ		0,3		- Tính 1 sản phẩm - Tổng số sản phẩm tiếp nhận trong tháng
		Báo giá dịch vụ CNHQ		0,4		- Tính 1 hồ sơ - Tổng số Thông báo dịch vụ được cấp
		Scan hồ sơ chứng nhận hợp quy		0,16		- Tính 1 hồ sơ - Tổng số hồ sơ scan trong tháng
		Tổng hợp cập nhật phần mềm hàng ngày trên hệ thống file server tiếp nhận của Trung tâm/Chi nhánh		0,5		- Tính 0.5 giờ / ngày - Tính trên ngày thực tế làm việc
76	Tiếp nhận kết quả CNHQ từ Tổ Một Cửa	Tiếp nhận, kiểm tra kết quả CNHQ từ Tổ Một Cửa. TH thiếu: lập danh sách gửi mail thông báo cho TMC đề nghị gửi bổ sung. Scan kết quả bản cứng, cập nhật		1		Tính 1 giờ / ngày nhận kết quả

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			DỄ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		phần mềm số phôi giấy CNHQ. Phân kết quả bàn giao cho kỹ thuật, kế toán xuất hóa đơn, khách hàng				
77	Trả kết quả hồ sơ CNHQ	Trả giấy chứng nhận hợp quy - 1 sản phẩm		0,25		- Tính 0.25 giờ /1 sản phẩm - Tổng số sản phẩm trả trong tháng
78	Phân công xử lý hồ sơ CNHQ (Trưởng đơn vị)	Phân công CVXL, CVTĐ hồ sơ CNHQ		0,1		Trung bình 0,1 giờ cho 1 Hồ sơ CNHQ
79	Thẩm xét hồ sơ, ký Giấy báo giá CNHQ (Trưởng đơn vị) hay kế hoạch đánh giá và lấy mẫu	Thẩm xét hồ sơ, ký Giấy báo giá CNHQ (Trưởng đơn vị)		0,17		Trung bình 0,17 giờ cho 1 Hồ sơ CNHQ
80	Xử lý hồ sơ chứng nhận hợp quy	Xử lý hồ sơ CNHQ theo PT1 không có đánh giá hiện trường	3	4	5	- Dễ: Số quy chuẩn đánh giá 1 và cấp được luôn - Trung bình: Số quy chuẩn đánh giá từ 2-3 quy chuẩn và cấp được luôn hoặc sản phẩm được đánh giá với xét 2 Chứng chỉ ISO (ISO cũ và ISO mới) hoặc đánh giá từ 2 nhà máy trở lên và cấp được luôn - Khó: Số quy chuẩn đánh giá từ 04 quy chuẩn trở lên và cấp được luôn hoặc sản phẩm được đánh giá với 3 Chứng chỉ ISO (ISO cũ và ISO mới) và cấp được luôn hoặc đánh giá từ 3 nhà máy trở lên và cấp được luôn hoặc Số quy chuẩn đánh giá từ 2-3 quy chuẩn và xét 2 ISO trở lên và cấp được luôn hoặc Số quy chuẩn đánh giá từ 2-3 quy chuẩn và xét 2 nhà máy trở lên và cấp được luôn hoặc hồ sơ phải trả lời công văn
		Xử lý hồ sơ CNHQ theo PT1 có đánh giá tại hiện trường	7	8	9	Dễ: 01 QCVN, Trung bình: 2-3 QCVN, Khó: 4-5 QCVN
		Xử lý hồ sơ CNHQ theo PT5 trong đó có đánh giá tại hiện trường	10	12	14	

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Xử lý hồ sơ CNHQ theo PT7 trong đó có đánh giá tại hiện trường	4	5	6	Đề: 01 QCVN, Trung bình: 2-3 QCVN, Khó: 4-5 QCVN
		Xử lý hồ sơ đánh giá cấp CNHQ cho thiết bị đầu cuối, trạm gốc 5G		10	12	- Tính thời gian/ 1 giấy CNHQ - Trung bình: Cho thiết bị chỉ có hỗ trợ công nghệ 5G. - Khó: Cho thiết bị hỗ trợ công nghệ 5G và công nghệ khác
81	Thực hiện đánh giá tại hiện trường hồ sơ CNHQ theo PT1, PT5, PT7	Đánh giá tại hiện trường hồ sơ CNHQ theo PT1, PT5, PT7	Thực tế	Thực hiện đánh giá hiện trường theo Phiếu đề xuất cho hồ sơ PT1, PT7, PT5	12	- Đề: Số quy chuẩn đánh giá 1 và cấp được luôn - Trung bình: Số quy chuẩn đánh giá từ 2-3 quy chuẩn và cấp được luôn hoặc sản phẩm được đánh giá với xét 2 Chứng chỉ ISO (ISO cũ và ISO mới) hoặc đánh giá từ 2 nhà máy trở lên và cấp được luôn - Khó: Số quy chuẩn đánh giá từ 04 quy chuẩn trở lên và cấp được luôn hoặc sản phẩm được đánh giá với 3 Chứng chỉ ISO (ISO cũ và ISO mới) và cấp được luôn hoặc đánh giá từ 3 nhà máy trở lên và cấp được luôn hoặc Số quy chuẩn đánh giá từ 2-3 quy chuẩn và xét 2 ISO trở lên và cấp được luôn hoặc Số quy chuẩn đánh giá từ 2-3 quy chuẩn và xét 2 nhà máy trở lên và cấp được luôn hoặc hồ sơ phải trả lời công văn - Tính thời gian/ 1 giấy CNHQ - Trung bình: Cho thiết bị chỉ có hỗ trợ công nghệ 5G. - Khó: Cho thiết bị hỗ trợ công nghệ 5G và công nghệ khác
82	Thẩm định hồ sơ CNHQ	Thẩm định hồ sơ CNHQ PT7 và PT1 không có đánh giá tại hiện trường	0,5	1	1,5	- Tính thời gian/ 1 giấy CNHQ - Trung bình: Cho thiết bị chỉ có hỗ trợ công nghệ 5G. - Khó: Cho thiết bị hỗ trợ công nghệ 5G và công nghệ khác
		Thẩm định hồ sơ CNHQ PT5 và PT1 có đánh giá tại hiện trường	1,5	2	2,5	
		Thẩm định hồ sơ hồ sơ đánh giá cấp CNHQ cho thiết bị đầu cuối, trạm gốc 5G		2	3	
83	Thẩm xét hồ sơ CNHQ, cấp số Giấy CNHQ, số CV để trình LĐTĐ ký phê duyệt	Thẩm xét hồ sơ CNHQ, cấp số Giấy CNHQ, số CV để trình LĐTĐ ký phê duyệt		0,25		- Trung bình 0,25 giờ cho 1 Giấy CNHQ/ CV thông báo gửi DN

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
						- Thực hiện theo nhiệm vụ LĐTĐ giao cho Trưởng CNMN thực hiện
84	Trình ký kết quả, ban hành	Nhập dữ liệu file QRCode áp dụng trên Giấy CNHQ (52 trường dữ liệu)	0,5	1	1,5	- Dễ: 1-2 sản phẩm được cấp CNHQ - Trung bình: 3-4 sản phẩm Khó từ 5 sản phẩm trở lên
		Tổng hợp hồ sơ hoàn chỉnh trên hệ thống file server của Trung tâm trình lãnh đạo		0,5		Tính 0.5 giờ /1 hồ sơ
85	Xem xét, cập nhật bảng mã sản phẩm Chứng nhận hợp quy	Xem xét, trình phê duyệt cập nhật bảng mã sản phẩm Chứng nhận hợp quy		1		- Tính trung bình cập nhật 1 bảng mã - Tổng số bảng mã cập nhật trong tháng
	Cấp dấu hợp quy theo văn bản đề nghị của doanh nghiệp	Xử lý văn bản đề nghị cấp dấu hợp quy theo đề nghị của doanh nghiệp		1		Tính trung bình 1 giờ/ 1 văn bản xử lý
86	Giám sát sau chứng nhận hợp quy	Giám sát sau CNHQ theo PT1		1		- Tính 1 giờ /1 sản phẩm giám sát - minh chứng là số sản phẩm giám sát
		Xử lý đánh giá hồ sơ giám sát sau CNHQ theo PT5		4		- Hướng dẫn QT – HD08 (hướng dẫn giám sát sau CNHQ) tại quy trình CNHQ của Trung tâm - số liệu là
		Đánh giá giám sát sau CNHQ tại hiện trường theo PT5	Thực tế			
87	Gửi email xác minh tính hợp lệ của Kết quả đo kiểm cấp bởi phòng đo MRA	Đề xuất định mức 5 phút/1 kết quả đo kiểm		0,08		Tính 0.08 giờ/1 kết quả đo kiểm
88	Phân công CVXL hồ sơ	Tải thông tin các hồ sơ đã tiếp nhận của Tổ 1 cửa, phân công CVXL hồ sơ, thông báo đến các CV được phân công xử lý, tải dữ liệu hồ sơ đã phân công lên server của Trung tâm		0,15		- Tính 0.15 giờ/1 hồ sơ - Tổng số hồ sơ phân công xử lý
89	Cấp số GCN và số Thông báo nộp tiền dịch vụ CNHQ	Thực hiện cấp số GCN và số Thông báo nộp tiền dịch vụ CNHQ sau khi hồ sơ đề nghị CNHQ đã được xử lý và thẩm định		0,1		- Tính 0.1 giờ/1GCN và 1TBNT - Tổng số thông báo đã cấp trong tháng

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
XII	KIỂM ĐỊNH					
90	Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và cấp/thu hồi giấy chứng nhận kiểm định thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện	Tiếp nhận hồ sơ kiểm định trên Công DVC		0,25		- Tính 0,25 giờ / 1 Hồ sơ; - Kiểm tra thành phần hồ sơ gồm: Đơn đề nghị, số lượng KQ đo, tài liệu kỹ thuật kèm theo (nếu có).
		Phân công CVXL hồ sơ		0,25		- Tính 0,25 giờ / 1 Hồ sơ; - Giao đến CVXL trên Công DVC.
		Lưu nhật ký hồ sơ theo dõi		0,2		- Tính 0,2 giờ / 1 Hồ sơ; - Nhập dữ liệu hồ sơ vào danh sách theo dõi của đơn vị.
		CVXL rà soát hồ sơ được phân công, thông báo kết quả rà soát cho LD đơn vị	1,0	2,0	3,0	- Dễ: Từ 1 đến 60 kết quả đo kiểm/ 01 Hồ sơ; - Trung bình: Từ 61 đến 120 kết quả đo kiểm / 01 Hồ sơ; - Khó: Từ 121 kết quả đo kiểm trở lên/ 01 Hồ sơ; - Nếu hồ sơ đạt -> Thông báo LD đơn vị Lập thông báo phí.
		Lập CV thông báo từ chối tiếp nhận hồ sơ		0,5		- Tính 0,5 giờ / 1 Hồ sơ; - Nếu Hồ sơ không đạt -> Lập CV thông báo từ chối tiếp nhận hồ sơ.
		Lập báo phí		0,25		- Tính 0,25 giờ / 1 Hồ sơ; - Giao đến CVXL trên Công DVC.
		Xử lý hồ sơ kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện		0,5		- Tính 0,3 giờ / 1 kết quả đo kiểm; - Minh chứng: Phải ghi rõ số lượng dự thảo GCN kiểm định (từ số đến số).
		Lập CV thông báo đề nghị doanh nghiệp khắc phục		0,5		- Tính 0,5 giờ / 1 Hồ sơ; - Nếu Hồ sơ không đạt -> Lập CV thông báo đề nghị doanh nghiệp khắc phục.

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			DỄ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Tiếp nhận hồ sơ soát xét GCN kiểm định		0,1		<ul style="list-style-type: none"> - 01 người làm (Trưởng Nhóm KĐ) - Tính 0.1 giờ / 1 hồ sơ - Minh chứng: phải ghi rõ số lượng hồ sơ dự thảo GCN kiểm định (từ số đến số) khi tiếp nhận hồ sơ.
		Thực hiện soát xét dự thảo GCN; Lập, ký “Báo cáo kết quả soát xét” Cập nhật “Báo cáo kết quả soát xét” vào thư mục; Thông báo kết quả soát xét đến CVXL.	1	2	3	<ul style="list-style-type: none"> 01 người làm (CVSX) - Dễ: Số GCN kiểm định soát xét 1 -60 GCN đồng ý cấp được luôn và đề xuất, kiến nghị (nếu có); - Trung bình: Số GCN kiểm định soát xét từ 61-120 GCN đồng ý cấp được luôn và đề xuất, kiến nghị (nếu có); - Khó: Số GCN kiểm định soát xét từ 121 GCN trở lên đồng ý cấp được luôn và đề xuất, kiến nghị (nếu có).
		Trả hồ sơ cho doanh nghiệp		0,2		<ul style="list-style-type: none"> - Tính 0.2 giờ / 1 Hồ sơ - Minh chứng: Phải ghi rõ số hồ sơ
91	Cập nhật và rà soát, chuyển đổi CSDL các GCN đã cấp lên Web của Trung tâm	Cập nhật và rà soát, chuyển đổi CSDL các GCN đã cấp gửi cho Quản trị viên		0,0016		<ul style="list-style-type: none"> - Tính 0.16 giờ / 100 kết quả đo kiểm - 01 Người làm - minh chứng: phải ghi dãy số đã cập nhật lên web
		Quản trị viên cập nhật GCN đã cấp lên Web của Trung tâm		0,0016		<ul style="list-style-type: none"> - Tính 0.16 giờ / 100 kết quả đo kiểm - 01 Người làm - minh chứng: phải ghi dãy số đã cập nhật lên web
92	Chuẩn bị các thủ tục cho đợt giám sát sau cấp giấy CNKĐ, đo kiểm PTTH	Chuẩn bị các thủ tục cho đợt giám sát sau cấp giấy CNKĐ, đo kiểm PTTH		4		<ul style="list-style-type: none"> - Tính 4 giờ / 1 đợt đo - 01 Người làm – Số đợt đo- ngày chuẩn bị
93	Giám sát thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện sau khi cấp giấy chứng nhận kiểm định	Xây dựng Kế hoạch giám sát hàng năm	32	40	48	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ: xây dựng kế hoạch giám sát 1-3 đợt/năm/đơn vị thực hiện - Trung bình: xây dựng kế hoạch giám sát 4-6 đợt/năm/đơn vị thực hiện - Khó: xây dựng kế hoạch giám sát 7 đợt trở lên/năm/đơn vị thực hiện

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Xây dựng chi tiết các đợt giám sát		16		- Tính 16 giờ / 1 bản chi tiết/1 đợt giám sát - Quyết định ban hành đợt giám sát
		Xử lý báo cáo và dự thảo thông báo kết quả giám sát	8	16	24	- Dễ: lập báo cáo xử lý 1-5 trạm gốc không phù hợp - Trung bình: lập báo cáo xử lý 6-10 trạm gốc không phù hợp - Khó: lập báo cáo xử lý 11 trạm gốc trở lên không phù hợp - Bản báo cáo và bản Thông báo
		Thẩm định báo cáo kết quả giám sát	1	2	3	- Dễ: thẩm định báo cáo xử lý 1-5 trạm gốc không phù hợp - Trung bình: thẩm định báo cáo xử lý 6-10 trạm gốc không phù hợp - Khó: thẩm định báo cáo xử lý 11 trạm gốc trở lên không phù hợp - Tổng số báo cáo thẩm định trong tháng
		Xử lý các nội dung tiếp theo sau khi thông báo kết quả giám sát	Thực tế			- Kết quả xử lý : trao đổi doanh nghiệp, công văn....
		Lưu và số hóa hồ sơ		1		Tính 1 giờ /1 đợt giám sát
94	Thực hiện giám sát tại hiện trường sau cấp giấy CNKĐ	Thực hiện giám sát tại hiện trường sau cấp giấy CNKĐ	Theo thực tế			2 người người thực hiện - Số Quyết định
95	Đo kiểm PTTH, BTS tại hiện trường	Đo kiểm PTTH, BTS tại hiện trường	Theo thực tế			2 người người thực hiện – Số Quyết định
96	Kết quả đo kiểm PTTH, BTS	Lập kết quả đo kiểm PTTH, BTS - có phần mềm		4		01 người thực hiện – Số kết quả
97	Thẩm định dự thảo kết quả đo kiểm PTTH, BTS	Thẩm định dự thảo kết quả đo kiểm PTTH		1		01 kết quả đo kiểm
		Thẩm định dự thảo kết quả đo kiểm BTS		0,5		
XIII	ĐO KIỂM SẢN PHẨM					

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
98	Tiếp nhận yêu cầu đo kiểm sản phẩm	Tiếp nhận yêu cầu đo kiểm sản phẩm - Tư vấn tiếp nhận yêu cầu		0,15		01 người thực hiện - minh chứng: phải ghi rõ thứ tự sản phẩm đã tiếp nhận
		Tiếp nhận yêu cầu đo kiểm sản phẩm - kiểm tra thiết bị		0,3		
99	Phân công đo kiểm	Phân công người đo kiểm, người rà soát kết quả đo kiểm		0,25		01 người thực hiện /01 phiếu tiếp nhận
100	Tìm hiểu, cài đặt, khai báo thiết bị để đo kiểm	Cài đặt, khai báo sản phẩm đo kiểm; đấu dẫn, kiểm tra kết nối, thiết lập bài đo tương ứng với từng QCVN (trừ QCVN về trạm gốc, trạm lặp)		2		01 người thực hiện: 01 QCVN/01 sản phẩm
		Cài đặt, khai báo sản phẩm đo kiểm; đấu dẫn, kiểm tra kết nối, thiết lập bài đo tương ứng với từng QCVN về trạm gốc 5G			40	01 người thực hiện: 01 QCVN/01 sản phẩm
		Cài đặt, khai báo sản phẩm đo kiểm; đấu dẫn, kiểm tra kết nối, thiết lập bài đo tương ứng với từng QCVN về trạm lặp di động			8	01 người l thực hiện: 01 QCVN/01 sản phẩm
101	Đo kiểm sản phẩm hàng hóa, xử lý dữ liệu (không bao gồm trạm gốc 5G)	Đo kiểm Pin (bao gồm pack và cell)		72		01 người thực hiện
		Đo kiểm Pin (phần pack)		36		01 người thực hiện
		Đo kiểm Pin (phần cell)		36		01 người thực hiện
		Đo kiểm DVB T2 - RF		10		01 người thực hiện
		Đo kiểm DVBT2-PSI/SI		4		01 người thực hiện
		Đo kiểm DVBT2-Video, audio		4		01 người thực hiện

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Đo kiểm thiết bị vô tuyến (QCVN 37:2018/BTTTT)		8		01 người thực hiện
		Đo kiểm thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất (QCVN 42 : 2011/BTTTT)		8		01 người thực hiện
		Đo kiểm thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất (QCVN 43:2011/BTTTT)		8		01 người thực hiện
		Đo kiểm (QCVN 44:2018/BTTTT)		8		01 người thực hiện
		Đo kiểm tiếp đất cho các trạm viễn thông tiếp đất cho các trạm viễn thông (QCVN 9:2016/BTTTT)		44		01 người thực hiện
		Đo kiểm chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông (QCVN 32:2020/BTTTT)		44		01 người thực hiện
		Đo kiểm thiết bị âm thanh không (QCVN 91:2015/BTTTT)		8		01 người thực hiện
		Đo kiểm điện thoại (QC 117- 4G điều kiện thường)		64		01 người thực hiện
		Đo kiểm điện thoại (QC 117- 4G điều kiện tới hạn)		16		01 người thực hiện
		Đo kiểm điện thoại (QC 117- 3G điều kiện thường)		20		01 người thực hiện
		Đo kiểm điện thoại (QC 117- 3G điều kiện tới hạn)		8		01 người thực hiện
		Đo Wifi 2.4G QCVN 54: Đk thường		8		01 người thực hiện
		Đo Wifi 2.4G QCVN 54: Đk tới hạn		4		01 người thực hiện
		Đo Wifi 5G QCVN 65: Đk thường		8		01 người thực hiện

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Đo Wifi 5G QCVN 65: Đk tới hạn		4		01 người thực hiện
		Đo TBTPVT QCVN 47 (không phải trạm lắp)		8		01 người thực hiện
		Đo TBTPVT QCVN 55:2023/BTTTT (Điều kiện thường)		5,59		- 01 người thực hiện - Theo QĐ số 68/QĐ-TTĐLCL ngày 30/05/2025 V/v Quyết định Ban hành mức hao phí tạm thời đo kiểm thiết bị vô tuyến cự ly ngắn theo quy chuẩn QCVN 55:2023/BTTTT
		Đo TBTPVT QCVN 55:2023/BTTTT (Điều kiện tới hạn)		5,76		
		Đo TBTPVT QCVN 73:2013/BTTTT (Điều kiện thường)		5,17		- 01 người thực hiện - Theo QĐ số 66/QĐ-TTĐLCL ngày 30/05/2025 V/v Quyết định Ban hành mức hao phí tạm thời đo kiểm thiết bị vô tuyến cự ly ngắn theo quy chuẩn QCVN 73:2013/BTTTT
		Đo TBTPVT QCVN 74:2020/BTTTT (Điều kiện thường)		4,17		- 01 người thực hiện - Theo QĐ số 67/QĐ-TTĐLCL ngày 30/05/2025 V/v Quyết định Ban hành mức hao phí tạm thời đo kiểm thiết bị vô tuyến cự ly ngắn theo quy chuẩn QCVN 74:2020/BTTTT
		Đo kiểm thiết bị trạm lắp thông tin di động theo quy chuẩn QCVN 111:2023/BTTTT (Điều kiện thường)		12,92		Đo công thứ 1/ 01 người thực hiện
				2,87		Đo từ công thứ 2 trở đi/ 01 người thực hiện
		Đo kiểm thiết bị trạm lắp thông tin di động theo quy chuẩn QCVN 111:2023/BTTTT (Điều kiện tới hạn)		5,09		Đo công thứ 1/ 01 người thực hiện
				1,06		Đo từ công thứ 2 trở đi/ 01 người thực hiện
		Đo kiểm thiết bị trạm lắp thông tin di động theo quy chuẩn QCVN 66:2018/BTTTT (Điều kiện thường)		11,31		Đo công thứ 1/ 01 người thực hiện
				4,28		Đo từ công thứ 2 trở đi/ 01 người thực hiện

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Đo kiểm thiết bị trạm lặp thông tin di động theo quy chuẩn QCVN 66:2018/BTTTT (Điều kiện tới hạn)		2,03		Đo công thứ 1/ 01 người thực hiện
				0,64		Đo từ công thứ 2 trở đi/ 01 người thực hiện
		Đo kiểm thiết bị trạm lặp thông tin di động mặt đất - phân truy nhập vô tuyến Theo quy chuẩn QCVN 47:2015/BTTTT (Điều kiện thường)		8,95		Đo công thứ 1/ 01 người thực hiện
				2,90		Đo từ công thứ 2 trở đi/ 01 người thực hiện
		Đo khác		Tính thực tế		
		Thuê đo EMC		8		01 người thực hiện
		Đo kiểm QCVN 9		44		01 người thực hiện
		Đo kiểm QCVN 32		44		01 người thực hiện
102	Đo kiểm sản phẩm hàng hóa, xử lý dữ liệu (Trạm gốc 5G)	Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - cấu hình đo (Công suất ON/OFF máy phát; Thời gian chuyển trạng thái máy phát)			4	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5.
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - thực hiện đo (Công suất ON/OFF máy phát; Thời gian chuyển trạng thái máy phát)		0,1		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cấu hình đo ở chế độ TM1.1 kênh B (Công suất ngõ ra trạm gốc; Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng			2	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		tần hoạt động; Phát xạ giả máy phát; Yêu cầu chung)				
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - thực hiện đo ở chế độ TM1.1 kênh B (Công suất ngõ ra trạm gốc; Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động; Phát xạ giả máy phát; Yêu cầu chung)		0,25		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cấu hình đo ở chế độ TM1.1 kênh M (Công suất ngõ ra trạm gốc; Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động)			2	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - thực hiện đo ở chế độ TM1.1 kênh M (Công suất ngõ ra trạm gốc; Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động)		0,25		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cấu hình đo ở chế độ TM1.1 kênh T (Công suất ngõ ra trạm gốc; Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động; Phát xạ giả máy phát; Yêu cầu chung)			2	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - thực hiện đo ở chế độ TM1.1 kênh T (Công suất ngõ ra trạm gốc; Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động; Phát xạ giả máy phát; Yêu cầu chung)		0,25		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cấu hình đo ở chế độ TM1.2 kênh B (Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động)			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát); thực hiện đo ở chế độ TM1.2 kênh B (Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động)		0,25		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cấu hình đo ở chế độ TM1.2 kênh M (Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động)			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - thực hiện đo ở chế độ TM1.2 kênh M (Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động)		0,25		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cấu hình đo ở chế độ TM1.2 kênh T (Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động)			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - thực hiện đo ở chế độ TM1.2 kênh T (Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động)		0,25		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cấu hình đo ở chế độ TM1.1 kênh B, phát xạ giả máy phát (Bảo vệ máy thu; Hoạt động cùng vị trí 1MHz/100 kHz.)			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát); thực hiện đo ở chế độ TM1.1 kênh B , phát xạ giả máy phát(Bảo vệ máy thu; Hoạt động cùng vị trí 1MHz/100 kHz.)		0,25		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cầu hình đo ở chế độ TM1.1 kênh T, phát xạ giả máy phát(Bảo vệ máy thu; Hoạt động cùng vị trí 100 kHz; Hoạt động cùng vị trí 1MHz.)			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - thực hiện đo ở chế độ TM1.2 kênh T, phát xạ giả máy phát (Bảo vệ máy thu; Hoạt động cùng vị trí 100 kHz; Hoạt động cùng vị trí 1MHz.)		0,25		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cầu hình đo ở chế độ TM1.1 kênh B, phát xạ giả máy phát (Trạm gốc cùng vị trí)			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát); thực hiện đo ở chế độ TM1.1 kênh B , phát xạ giả máy phát(Trạm gốc cùng vị trí)		0,25		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cầu hình đo			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		ở chế độ TM1.1 kênh T, phát xạ giả máy phát(Trạm gốc cùng vị trí)				
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - thực hiện đo ở chế độ TM1.2 kênh T, phát xạ giả máy phát (Trạm gốc cùng vị trí)		0,25		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cầu hình đo phát xạ giả máy thu			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - thực hiện đo Phát xạ giả máy thu		0,1		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cầu hình đo xuyên điều chế máy phát-lắp đặt cùng vị trí (Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động; Phát xạ giả máy phát-Yêu cầu chung)			4	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Thực hiện đo xuyên điều chế máy phát-lắp đặt cùng vị trí (Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động; Phát xạ giả máy phát-Yêu cầu chung)		1,5		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			DỄ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cấu hình đo xuyên điều chế máy phát-lắp đặt cùng vị trí, phát xạ giả (Bảo vệ máy thu; Hoạt động cùng vị trí 100kHz; Hoạt động cùng vị trí 1MHz; Trạm gốc cùng vị trí)			4	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Thực hiện đo xuyên điều chế máy phát-lắp đặt cùng vị trí, phát xạ giả (Bảo vệ máy thu; Hoạt động cùng vị trí 100kHz; Hoạt động cùng vị trí 1MHz; Trạm gốc cùng vị trí)		1,5		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Cấu hình đo xuyên điều chế máy phát-trong cùng trạm gốc (Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động)			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phát) - Thực hiện đo xuyên điều chế máy phát-trong cùng vị trí Tỷ số công suất rò kênh lân cận ACLR-5G/4G; Phát xạ không mong muốn trong băng tần hoạt động)		0,25		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			DỄ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phần thu) - Cấu hình đo độ nhạy thu			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phần thu) -Thực hiện đo độ nhạy thu		0,10		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phần thu) - Cấu hình đo độ chọn lọc kênh lân cận ACS			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phần thu) -thực hiện đo độ chọn lọc kênh lân cận ACS		0,20		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phần thu) - Cấu hình đo chọn lọc kênh			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phần thu) - Thực hiện đo chọn lọc kênh		0,20		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phần thu) - Cấu hình đo xuyên điều chế máy thu - Yêu cầu chung			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phần thu) - Thực		0,20		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		hiện đo xuyên điều chế máy thu - Yêu cầu chung				
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phân thu) - Cấu hình đo xuyên điều chế băng hẹp			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phân thu) - Thực hiện đo xuyên điều chế băng hẹp		0,20		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phân thu) - Cấu hình đo chặn băng hẹp			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phân thu) - Thực hiện đo chặn băng hẹp		1,80		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phân thu) - Cấu hình đo chặn trong băng; Yêu cầu chung			1	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phân thu) - Thực hiện đo chặn trong băng; Yêu cầu chung		0,33		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phân thu) - Cấu hình đo chặn ngoài băng; Trạm gốc cùng vị trí			2	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phần thu) - Thực hiện đo chặn ngoài băng; Trạm gốc cùng vị trí		0,13		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phần thu) - Cấu hình đo chặn ngoài băng; Yêu cầu chung (≤ 6 GHz)			2	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phần thu) - Thực hiện đo chặn ngoài băng; Yêu cầu chung (≤ 6 GHz)		2,17		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phần thu) - Cấu hình đo chặn ngoài băng; Yêu cầu chung (> 6 GHz)			2	01 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
		Đo kiểm trạm gốc 5G theo QCVN 128:2021/BTTTT (1 công 1 băng tần, các chỉ tiêu phần thu) - Thực hiện đo chặn ngoài băng; Yêu cầu chung (> 6 GHz)		2,81		02 người thực hiện. Trường hợp 2 công nghệ hoặc 2 băng tần thì nhân hệ số 1,5
103	Lập báo cáo kết quả đo kiểm	Lập báo cáo kết quả đo (trừ sản phẩm trạm gốc 5G)		2		01 người thực hiện/01 báo cáo
		Lập báo cáo kết quả đo trạm gốc 5G (đo điều kiện tới hạn)			8	01 người thực hiện/ 01 báo cáo
		Lập báo cáo kết quả đo trạm gốc 5G đến 8 công (đo điều kiện thường)			24	01 người thực hiện/01 báo cáo

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Lập báo cáo kết quả đo trạm gốc 5G đến 32 công (đo điều kiện thường)			40	01 người thực hiện/01 báo cáo
		Lập báo cáo kết quả đo trạm gốc 5G đến 64 công (đo điều kiện thường)			64	01 người thực hiện/01 báo cáo
104	Rà soát báo cáo kết quả đo kiểm	Rà soát kết quả đo kiểm (trừ sản phẩm trạm gốc 5G)		2		01 người thực hiện/01 báo cáo
		Rà soát kết quả đo kiểm sản phẩm trạm gốc 5G			4	01 người thực hiện/ 01 báo cáo
105	Thẩm định báo cáo kết quả đo kiểm	Thẩm định kết quả đo kiểm (trừ sản phẩm trạm gốc 5G)		2		01 người thực hiện/01 báo cáo
		Thẩm định kết quả đo kiểm sản phẩm trạm gốc 5G (đến 8 công)			8	01 người thực hiện/01 báo cáo
		Thẩm định kết quả đo kiểm sản phẩm trạm gốc 5G (đến 32 công)			16	01 người thực hiện/01 báo cáo
		Thẩm định kết quả đo kiểm sản phẩm trạm gốc 5G (đến 64 công)			24	01 người thực hiện/01 báo cáo
106	Trả kết quả	Trả kết quả đo kiểm và mẫu thử nghiệm cho khách hàng		0,5		01 người thực hiện/01 kết quả + mẫu
107	Công việc khác phục vụ đo khảo sát CLSPHH	Lập và trình phê duyệt kế hoạch đo kiểm KS CLSPHH năm		16		01 người thực hiện /01 đợt
		Lấy báo gia mẫu đo		1		01 người thực hiện /báo giá
		Lập và trình phê duyệt dự toán kinh phí đo kiểm KS CLSPHH quý		24		01 người thực hiện /dự toán
		Mua mẫu đo KS CLSPHH		2		01 người thực hiện /sản phẩm
		Lập phiếu trình và Báo cáo KQĐK KS CLSPHH cả đợt báo cáo Cục		16		01 người thực hiện /01 đợt

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
108	Quản lý, khai thác, vận hành hệ thống đo kiểm	Chủ trì quản lý, khai thác, vận hành hệ thống đo kiểm		8		01 người/01 hệ thống/01 tháng
109	Xây dựng mức hao phí đo kiểm tạm thời	Xây dựng dự thảo		80		01 người thực hiện/1 QCVN, trường hợp làm đồng thời nhiều QCVN có tính chất tương đồng (30%), thì từ QCVN thứ 2 tính 50% thời gian
		Xin ý kiến các đơn vị		0,33		01 người thực hiện/01 QCVN
		Ý kiến góp ý của các đơn vị		8		01 người thực hiện/01 QCVN. Nếu ý kiến nhất trí tính 1/2 thời gian định mức, nếu không có ý kiến tính như soạn thảo văn bản thông thường
		Tổng hợp, giải trình các ý kiến góp ý (1 lần)		2		01 người thực hiện/01 QCVN
		Hoàn thiện dự thảo, lập phiếu trình LĐTT ban hành		5		01 người thực hiện/01 QCVN
110	Thực hiện công tác số hóa tài liệu	- Scan kết quả đo kiểm sản phẩm - Upload lên máy chủ lưu trữ của Trung tâm.		0.1		01 kết quả 10 trang
XIV	CHỈ ĐỊNH - CÔNG NHẬN PHÒNG THỬ NGHIỆM - TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN - TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH					
111	Lập hồ sơ công nhận/chỉ định Tổ chức chứng nhận, Kiểm định, Phòng thử nghiệm	Xây dựng các hồ sơ hệ thống		40		<i>Các nội dung thực hiện:</i> Hệ thống hóa tài liệu hồ sơ hệ thống (STCL; MTCL; Quy trình, thủ tục; Quy định; Bảo hiểm TNNN;...).
	- Đăng ký hoạt động theo Nghị định 107	Xây dựng hồ sơ năng lực chuyên gia		30		Xây dựng hồ sơ năng lực chuyên gia (danh sách chuyên gia)

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
	- Hệ thống QLCL theo IEC/ISO 17065: 2012	Xây dựng hồ sơ danh mục sản phẩm, phạm vi công nhận chỉ định		20		Danh mục sản phẩm, phạm vi công nhận/chỉ định.
	- Chỉ định theo Nghị định 74.	Xây dựng hồ sơ danh mục nhà thầu phụ, danh sách khách hàng đăng ký chứng nhận		20		Danh sách nhà thầu phụ; danh sách khách hàng đăng ký chứng nhận
		Xây dựng hồ sơ chương trình, kế hoạch đánh giá nội bộ...		26		Đánh giá nội bộ (chương trình, kế hoạch, danh sách phê duyệt CGĐG nội bộ; checklist;...).
		Xây dựng hồ sơ quy chuẩn kỹ thuật		40		Xây dựng hồ sơ quy chuẩn kỹ thuật.
112	Duy trì Tổ chức chứng nhận/Tổ chức kiểm định được công nhận, chỉ định	Cập nhật và rà soát, chuyên đội CSDL các GCN đã cấp lên Web của Trung tâm		8		<u>Các nội dung thực hiện:</u>
		Hoàn thành bảng chứng duy trì đánh giá nội bộ (chương trình, kế hoạch, danh sách phê duyệt CGĐG nội bộ; checklist;...).		16		Rà soát, cập nhật
	<i>Duy trì hồ sơ năng lực, đánh giá hàng năm theo:</i>	<i>Hoàn thành giám sát năng lực chuyên gia (danh sách CGĐG, CGKT)</i>		16		Rà soát, cập nhật tài liệu hồ sơ hệ thống.
	- Hệ thống QLCL theo IEC/ISO 17065: 2012	Hoàn thành giám sát năng lực nhà thầu phụ (Phòng thử nghiệm)		16		Bảng chứng duy trì đánh giá nội bộ (chương trình, kế hoạch, danh sách phê duyệt CGĐG nội bộ; checklist;...).
	- Chỉ định theo Nghị định 74.	Hoàn thành rà soát, cập nhật quy chuẩn kỹ thuật mới có hiệu lực		8		Giám sát năng lực chuyên gia (danh sách CGĐG, CGKT)
	Công tác duy trì tổ chức chứng nhận	Tham gia hội đồng chứng nhận	Theo thực tế			Giám sát năng lực Nhà thầu phụ (Phòng thử nghiệm)
		Họp báo cáo và xem xét	Theo thực tế			Rà soát, cập nhật quy chuẩn kỹ thuật mới có hiệu lực.

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Lập danh sách khách hàng đăng ký chứng nhận	Theo thực tế			Bảng chứng duy trì họp Hội đồng chứng nhận. Bảng chứng duy trì họp xem xét của Lãnh đạo.
		Duy trì tổ chức chứng nhận: Lập kế hoạch	Theo thực tế			Danh sách khách hàng đăng ký chứng nhận.
		Duy trì tổ chức chứng nhận: Đánh giá tại văn phòng	Theo thực tế			Lập kế hoạch và thực hiện đánh giá tại văn phòng, đánh giá chứng kiến tại hiện trường (<i>hồ sơ công nhận</i>).
		Duy trì tổ chức chứng nhận: Đánh giá chứng kiến tại hiện trường	Theo thực tế			Hoàn thiện, khắc phục điểm chưa phù hợp theo thực tế.
		Duy trì tổ chức chứng nhận: Hoàn thiện, khắc phục điểm chưa phù hợp	Theo thực tế			
		113	Duy trì phòng thử nghiệm được công nhận, chỉ định (Quản lý hồ sơ phòng thử nghiệm, thực hiện các thủ tục, quy trình, cập nhật dữ liệu, hiệu chuẩn, so sánh liên phòng...)	Xây dựng kế hoạch		
Chuẩn bị đánh giá nội bộ				16		01 người thực hiện
Chuẩn bị xem xét của lãnh đạo				4		01 người thực hiện
Hiệu chuẩn nội bộ				4		01 thiết bị đo
Thực hiện đánh giá đảm bảo chất lượng kết quả đo (so sánh nội bộ hoặc bên ngoài) theo từng quy chuẩn	Theo định mức đo kiểm tại 87 * 2 (lần)			02 người thực hiện		
Hiệu chuẩn bên ngoài				8		01 thiết bị đo
Thực hiện 1 hành động khắc phục khi phát hiện trong đánh giá nội bộ				8		01 người thực hiện
Báo cáo thực hiện				4		01 người thực hiện
Ghi, theo dõi nhiệt độ	3					01 phòng đo/01 tháng
114	Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng Phòng thử nghiệm	Xây dựng lại toàn bộ hệ thống quản lý chất lượng			160	Cần 2 người rà soát, xây dựng lại toàn bộ hệ thống QLCL PTN khi thay đổi phiên bản tiêu chuẩn hoặc thay đổi theo quy định trong hệ thống.

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Rà soát, cập nhật mỗi Thủ tục hoặc Quy định hoặc Quy trình hoặc Hướng dẫn trong hệ thống ISO/IEC 17025			40	Minh chứng bằng số văn bản
		Xây dựng Quy trình đo kiểm mới			80	Minh chứng bằng số văn bản
		Xây dựng mỗi kế hoạch hàng năm (kế hoạch đào tạo, kế hoạch hiệu chuẩn, ...)		16		
		Tổ chức, chuẩn bị đánh giá nội bộ, hoặc đánh giá bên ngoài		24		
		Tham gia đánh giá nội bộ		16		Áp dụng cho từng người tham gia đoàn đánh giá
		Tổ chức, chuẩn bị cuộc họp xem xét của Lãnh đạo PTN		24		
		Tham gia cuộc họp xem xét của Lãnh đạo PTN		16		Áp dụng cho từng người tham gia đoàn đánh giá
		Lập danh sách, theo dõi cập nhật năng lực, vị trí công việc của nhân viên PTN		8		
		Xây dựng và cập nhật bảng phân công công việc của mỗi người trong PTN		8		Áp dụng cho từng người
		Đào tạo 1 nhân viên đo mới đo kiểm theo 1 quy chuẩn.		40		Khuyến nghị, đào tạo, hướng dẫn tối thiểu trong 3 tháng liên tục
		Giám sát, đánh giá hiệu quả sau đào tạo 1 nhân viên		40		Khuyến nghị, giám sát, đánh giá hiệu quả sau đào tạo tối thiểu trong 3 tháng liên tục
		Lập danh sách, theo dõi cập nhật tình trạng của mỗi thiết bị đo từng Quý hoặc khi có thay đổi.		8		Minh chứng bằng số văn bản

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			ĐẸ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
		Triển khai áp dụng thủ tục Kiểm soát thiết bị hàng năm đối với từng hệ thống đo		40		Minh chứng công việc thực hiện
		Xây dựng hồ sơ phê duyệt phương pháp đo, đánh giá độ không đảm bảo đo với từng hệ thống đo theo từng quy chuẩn			60	02 người làm, 40 người giờ cho người thực hiện chính, 20 giờ cho người tham gia đo kiểm
		Thực hiện đánh giá đảm bảo chất lượng kết quả đo (so sánh nội bộ hoặc bên ngoài) theo từng quy chuẩn		40		
		Thực hiện 1 hành động khắc phục khi phát hiện trong đánh giá nội bộ		8		
		Thực hiện 1 hành động khắc phục khi phát hiện do đoàn đánh giá bên ngoài		24		
		Thực hiện 1 nội dung trong 1 Quy định của HTQLCL PTN		16		
		Theo dõi, duy trì năng lực được Chỉ định, Công nhận của PTN		16		
		Các nội dung khác trong HTQLCL PTN		8		
115	Xúc tiến dịch vụ khách hàng (Tìm hiểu, trao đổi với các đối tác về nhu cầu)	Xúc tiến dịch vụ khách hàng		2		Kết quả là danh sách khách hàng tiếp xúc
XV	CÁC NHIỆM VỤ KHÁC					

TT	TÊN NHIỆM VỤ	MÔ TẢ CHI TIẾT NHIỆM VỤ	ĐỊNH MỨC (GIỜ)			KẾT QUẢ THỰC HIỆN
			DỄ	TRUNG BÌNH	KHÓ	
116	Các nhiệm vụ không có tên nêu trên hoặc các buổi tham gia họp; Phối hợp các đơn vị khác trong công tác kế toán – tài chính như thanh tra, kiểm tra, giải trình, Công tác Đảng, công tác Công đoàn, Tham gia các chương trình đào tạo	Các nhiệm vụ không có tên nêu trên hoặc các buổi tham gia họp; Phối hợp các đơn vị khác trong công tác kế toán – tài chính như thanh tra, kiểm tra, giải trình, Công tác Đảng, công tác Công đoàn	Theo thực tế			Các nhiệm vụ không có định mức và tính theo giờ thực tế phát sinh để thực hiện công việc – ghi rõ tên nhiệm vụ thực hiện